

Cao Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2023

BIÊN BẢN
TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
Năm học 2022 - 2023

* Thời gian: 9 giờ 30 phút ngày 25 tháng 10 năm 2023

* Địa điểm: phòng HĐSP trường tiểu học Cao Minh

* Thành phần: 10 đ/c có mặt đầy đủ

1. Chủ trì: Bà Vũ Thị Vân Chức vụ: Chủ tịch HĐ đánh giá

2. Thư ký: Bà Phạm Thị Trang Chức vụ: Thư ký HĐ đánh giá

3. Thành phần khác: cùng 8 ông bà trong hội đồng đánh giá

Căn cứ Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GD&ĐT Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của CSGD phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Thực hiện Kế hoạch số 167/KH-GDĐT ngày 13/3/2023 của Phòng GD&ĐT về chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023;

Thực hiện Thông báo số 386/TB-SGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Sở GD&ĐT Kết luận của Giám đốc Sở GDĐT tại Hội nghị Tập huấn đánh giá mức độ chuyển đổi số các cơ sở giáo dục theo Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT và Quản trị CSDL ngành;

Thực hiện Kế hoạch số 283/KH-GDĐT ngày 23/10/2023 của nhà trường về triển khai tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường năm học 2022-2023, trường Tiểu học Cao Minh đã tiến hành tự đánh giá, mức độ chuyển đổi số trong nhà trường theo quy định.

Kết quả tự đánh giá, xếp loại như sau (Có bảng tự đánh giá kèm theo):

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm đạt được
I	Chuyển đổi số trong dạy, học	100		50
1.1	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)	30		20
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến			
1.3.	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên)		Tối đa 6 điểm.	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm đạt được
	<p>- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua).</p> <p>- Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng:</p> <p>(1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học;</p> <p>(2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh;</p> <p>(3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên;</p> <p>(4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.</p>		Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng triển khai tối đa 6 điểm.	
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	<p>- Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm.</p> <p>- Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm.</p>	5
1.5.	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)	20	- Tối đa 15 điểm	5
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường		- Tối đa 5 điểm	
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	20	<p>- <30%: tối đa 2 điểm;</p> <p>- 30%-60%: tối đa 4 điểm;</p> <p>- >60%: tối đa 7 điểm.</p>	10
	- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học		<p><30%: tối đa 2 điểm;</p> <p>30%-60%: tối đa 4 điểm;</p> <p>>60%: tối đa 7 điểm</p>	
	- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		<p><30%: tối đa 2 điểm;</p> <p>30%-60%: tối đa 4 điểm;</p> <p>>60%: tối đa 6 điểm.</p>	
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	20	<p><20%>: tối đa 2 điểm;</p> <p>20%-60%: tối đa 5 điểm;</p> <p>>60%: tối đa 8 điểm</p>	10
	Mức độ đáp ứng yêu cầu môn Tin học		<p>Mức độ 1: tối đa 2 điểm;</p> <p>Mức độ 2: tối đa 5 điểm;</p> <p>Mức độ 3: tối đa 7 điểm</p>	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm đạt được
	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		Tối đa 5 điểm	
2	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100		74
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)			
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số			
	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê): - Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường		Tối đa 6 điểm	
	- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)		Tối đa 6 điểm	
	- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử	70	File PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm	54
2.3	- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV		Tối đa 6 điểm	
	- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất		Tối đa 10 điểm	
	- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh		Tối đa 10 điểm	
	- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán		Tối đa 6 điểm	
	- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)		Tối đa 6 điểm	
2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)		Tối đa 8 điểm	
	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:	30	Tối đa 12 điểm	20
	- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt		Tối đa 10 điểm	

I. Tự nhận xét, đánh giá:

1. Ưu điểm:

+ Nhà trường chú trọng bồi dưỡng đội ngũ (cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh) có kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyên đổi số. Trước hết là kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công việc dạy - học hàng ngày.

+ Trong quản lý giáo dục, nhà trường đã triển khai số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung từ sở GDĐT, phòng GDĐT đến nhà trường. Hiện nay đã số hóa và định danh dữ liệu của giáo viên và học sinh. Cơ sở dữ liệu này vừa qua cũng đã hỗ trợ đắc lực công tác tuyển sinh và thống kê, báo cáo trong toàn trường. Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý trường học, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, duyệt giáo án qua drive và hầu hết cán bộ, giáo viên, nhân viên đều vận dụng hiệu quả, tích cực.

+ Về nhân lực, nhà trường triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, môn Tin học được đưa vào giảng dạy bắt buộc ngay từ lớp 3 và 100% học sinh lớp 3,4, được học Tin học 01 tiết/ tuần; mô hình giáo dục STEM bước đầu giáo viên được tiếp cận, tiến tới dạy lồng ghép trong các môn học, gắn việc học của học sinh thông qua các hoạt động ứng dụng công nghệ để giải quyết các bài toán và hiện tượng trong cuộc sống.

+ Về dạy - học, 100% giáo viên toàn trường sử dụng thành thạo CNTT; tham gia, đóng góp chia sẻ học liệu vào kho học liệu số của nhà trường và của ngành giáo dục; tham gia làm bài giảng điện tử e-learning có chất lượng, tham gia xây dựng ngân hàng đề, câu hỏi trắc nghiệm ...góp phần xây dựng xã hội học tập và đẩy mạnh việc học tập suốt đời.

2. Tồn tại, hạn chế

+ Hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT, đường truyền, dịch vụ Internet chưa đồng bộ, chưa ổn định.

+ Số hóa, xây dựng, cập nhật học liệu số, thẩm định, chia sẻ học liệu số đòi hỏi sự đầu tư lớn về nhân lực (gồm cả nhân lực quản lý và nhân lực triển khai) cũng như tài chính để đảm bảo khai thác học liệu số đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, tham khảo của giáo viên và học sinh vì vậy vấn đề khai thác học liệu số (như sách điện tử, thư viện điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, bài giảng điện tử, phần mềm học liệu điện tử...) còn mang tính tự phát, chưa thành hệ thống, khó kiểm soát chất lượng và nội dung học tập.

+ Trình độ tin học của CBGVNV còn hạn chế nên việc thực hiện UDCNTT còn gặp nhiều vất vả.

II. Phương hướng triển khai

+ Tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm, thông suốt về tư tưởng và quyết tâm hợp lực thực hiện chuyên đổi số trong toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên.

+ Tiếp tục đẩy mạnh khai thác CSDL ngành, các dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân; thực hiện số hóa triệt để, sử dụng văn bản điện tử, sổ sách học bạ số điểm điện tử thay thế văn bản, tài liệu giấy; hoạt động chỉ đạo, điều hành, giao dịch, họp, tập huấn được vận dụng tối đa trên môi trường mạng.

+ Tăng cường bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng modull theo nhu cầu thực tế của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

+ Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng mạng đồng bộ, thiết bị công nghệ thông tin thiết thực phục vụ dạy - học, tạo cơ hội học tập cho giáo viên và học sinh.

+ Thúc đẩy phát triển học liệu số (phục vụ việc dạy - học, kiểm tra, đánh giá, học sinh), tiếp tục đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin, khuyến khích và hỗ trợ áp dụng mô hình giáo dục đào tạo mới dựa trên các nền tảng số.

+ Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên kiến thức, kỹ năng CNTT, an toàn thông tin cần thiết để tác nghiệp trên môi trường số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Kết quả đánh giá, xếp loại trên đã được tất cả các thành viên của Hội đồng tự đánh giá nhất trí 100% và ký tên vào biên bản.

Buổi tự đánh giá kết thúc vào hồi 11 giờ 50 phút ngày 21/03/2023.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (đề b/c);
- Lưu: VT.

THƯ KÝ



Phạm Thị Trang

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ



Vũ Thị Vân

H. TP. HẢI PHÒNG
C. H.

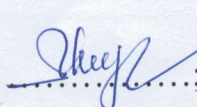
CÁC THÀNH VIÊN KHÁC


Bùi Văn Kiên:.....;


Khúc Thị Liên:.....;

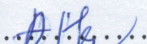
Đỗ Văn Tân:.....;

Trần Thị Thụy:.....;

Phạm Thị Thuý Nhung:.....;

Lưu Văn Minh:.....;

Phạm Thị Vân Anh:.....;

Đỗ Thị Huê:.....;